

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và tổng dự toán chi phí
lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu cửa khẩu Khánh Bình,
thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 03 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2011 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2166/TTr-SXD ngày 02 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ và tổng dự toán kinh phí lập đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu cửa khẩu Khánh Bình, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu cửa khẩu Khánh Bình, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Vị trí, giới hạn khu vực quy hoạch: Thuộc đồ án quy hoạch chung xây dựng thị trấn Long Bình. Có tứ cận như sau:

- Phía Tây Bắc giáp sông Bình Di;
- Phía Đông Nam giáp đất nông nghiệp;
- Phía Đông Bắc giáp đất nông nghiệp;
- Phía Tây Nam giáp đất nông nghiệp.

3. Tính chất:

Là khu vực kiểm soát về an ninh quốc phòng qua biên giới, với các công trình đặc trưng như: Quốc môn, trạm kiểm soát liên hợp... đảm bảo cho việc giao thương giữa hai nước được thuận lợi.

4. Qui mô: khoảng 7ha.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản:

5.1. Chỉ tiêu sử dụng đất:

Mật độ xây dựng và tầng cao: Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

5.2. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Cấp nước:

+ Nước công trình công cộng và dịch vụ: tối thiểu 2lít/m² sàn-ngđ.

+ Nước tưới hoa, công viên: tối thiểu 3lít/m²-ngđ.

+ Nước rửa đường: tối thiểu 0,5lít/m²-ngđ.

- Cấp điện:

+ Chỉ tiêu điện công trình công cộng, dịch vụ: 30W/m² sàn.

- Vệ sinh môi trường:

+ Chất thải rắn: 0,8kg/người/ngày.

+ Tỷ lệ thu gom CTR \geq 85%.

- Thoát nước thải:

+ Chỉ tiêu thu gom nước thải \geq 80% lượng nước cấp.

- Thông tin liên lạc: xây dựng mạng lưới thông tin kỹ thuật số đảm bảo theo tiêu chuẩn ngành.

6. Nội dung của đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu cửa khẩu Khánh Bình được phân khu chức năng gồm:

- Quốc môn, trạm kiểm soát liên hợp.
- Nhà tạm giữ thực vật - cách ly y tế.
- Bãi hàng chờ nhập, xuất.
- Bãi xe chờ thủ tục xuất, nhập cảnh.

- Công viên cây xanh....

7. Hệ thống kỹ thuật hạ tầng:

7.1. Chuẩn bị kỹ thuật:

- San nền: chống lũ triệt để và đảm bảo khớp nối với các khu vực liên quan.

- Thoát nước mưa: đề xuất phương án thoát nước mưa, giải pháp thoát nước; hướng thoát nước, kích thước cống, vị trí miệng xả, ga thu nước...

7.2. Giao thông:

Quy hoạch hệ thống giao thông đảm bảo an toàn, thuận lợi và phải phù hợp theo quy hoạch, dự án đã được phê duyệt.

7.3. Cấp nước:

- Xác định nguồn cung cấp nước khu vực quy hoạch.

- Đề xuất các giải pháp cấp nước.

- Thiết kế mạng lưới đường ống đảm bảo an toàn cấp nước.

7.4. Cấp điện:

- Thiết kế xây dựng mạng lưới cấp điện.

- Đề xuất các giải pháp cụ thể về nguồn điện, lưới điện.

- Xác định nhu cầu sử dụng điện theo các phụ tải.

7.5. Thoát nước:

- Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải phù hợp, đảm bảo vệ sinh môi trường, điều kiện tự nhiên.

- Xác định quy mô và công nghệ xử lý nước thải....

7.6. Thông tin liên lạc: xây dựng mạng lưới thông tin liên lạc khu vực đảm bảo theo tiêu chuẩn.

7.7. Vệ sinh môi trường:

Xác định vị trí, quy mô các trạm trung chuyển, phạm vi thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

8. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; các vấn đề kinh tế xã hội, văn hoá, cảnh quan thiên nhiên;

- Diễn biến môi trường: xác định, đánh giá diễn biến môi trường khi thực hiện quy hoạch (đất, nước, không khí, tiếng ồn...);

- Đề xuất các giải pháp bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường,...

(Nội dung và hồ sơ đánh giá môi trường chiến lược thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng).

9. Các dự án ưu tiên đầu tư: xây dựng danh mục các dự án ưu tiên đầu tư phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch.

10. Hồ sơ thực hiện:

10.1. Phần bản vẽ gồm:

TT	Thành phần bản vẽ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000	
2	Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng	1/500
3	Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, như: Hiện trạng sử dụng đất; kiến trúc; giao thông; cấp điện và chiếu sáng đô thị; cấp nước; cao độ nền và thoát nước mưa; thoát nước bản và vệ sinh môi trường; môi trường	1/500
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	1/500
5	Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan	1/500
6	Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật	1/500
7	Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường	1/500
8	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật	1/500
9	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược	1/500

10.2. Phần thuyết minh:

- Thuyết minh tổng hợp (kèm theo bản vẽ màu thu nhỏ khổ giấy A3).
- Các văn bản pháp lý có liên quan.
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

10.3. Đĩa CD chứa toàn bộ dữ liệu quy hoạch.

11. Tiến độ thực hiện: 06 tháng kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

12. Tổng dự toán công trình: 394.210.000 đ (Ba trăm chín mươi bốn triệu, hai trăm mười nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí khảo sát đo đạc : 31.106.000 đ
- Chi phí lập đồ án qui hoạch : 262.985.000 đ
- Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch : 32.566.000 đ
- Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch : 5.921.000 đ
- Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch : 26.029.000 đ
- Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch : 22.453.000 đ

- Chi phí tổ chức lấy ý kiến góp ý đồ án quy hoạch : 5.260.000 đ
- Chi phí tổ chức công bố quy hoạch : 7.890.000 đ

13. Nguồn vốn: Vốn ngân sách phát triển khu kinh tế cửa khẩu.

14. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng An Giang.
- Chủ đầu tư: Ban quản lý khu kinh tế An Giang.
- Tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch: Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc Xây dựng AB&C.

Điều 2. Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thực hiện theo các nội dung lưu ý tại Tờ trình số 2166/TTr-SXD ngày 02/10/2015 của Sở Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh An Giang, Chủ tịch UBND huyện An Phú, thủ trưởng các ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTXD.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Anh Kiệt